

## Tác động của thiết chế Hội quán đối với sự phát triển kinh tế tư nhân tại TP. HCM:

# GÓC NHÌN TỪ LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

Hồ Thanh Tinh

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

### Tóm tắt

Nghiên cứu này khám phá vai trò song hành của thiết chế Hội quán trong cộng đồng người Hoa (đặc biệt là nhóm Tuyền Châu) tại TP.HCM, không chỉ giới hạn ở chức năng bảo tồn di sản tín ngưỡng mà còn được định vị như một thể chế kinh tế phi chính thức thiết yếu đối với sự hưng thịnh của khu vực kinh tế tư nhân. Dựa trên nền tảng lý thuyết về vốn xã hội và kinh tế học thể chế, kết hợp với phương pháp phân tích lịch sử và dữ liệu điền dã thực nghiệm, bài viết luận giải cơ chế vận hành của Hội quán như một "hiệp hội thương mại" sơ khai, nơi triết lý "Trọng Tín" và các chế tài cộng đồng đã giúp giảm thiểu đáng kể chi phí giao dịch, minh bạch hóa thông tin thị trường và thiết lập cơ chế bảo lãnh tín dụng hiệu quả trong bối cảnh các định chế tài chính chính thức chưa hoàn thiện. Mở rộng phân tích sang bối cảnh đương đại, nghiên cứu làm sáng tỏ sự chuyển dịch linh hoạt của mô hình này sang kinh tế di sản và tài chính xã hội, được minh chứng sinh động qua khả năng huy động nguồn lực tài chính cộng đồng (crowdfunding) độc đáo từ tục lệ "Đấu đèn" và việc khai thác giá trị kinh tế từ du lịch tâm linh tại các di tích như Hội quán Ôn Lăng và Nhị Phủ (quận 5 cũ). Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng sự bền vững của kinh tế tư nhân tại khu vực Chợ Lớn không thể tách rời khỏi nền tảng liên kết xã hội chặt chẽ được vun đắp bởi thiết chế Hội quán, từ đó cung cấp những hàm ý chính sách quan trọng trong việc tận dụng nguồn lực từ các tổ chức xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

### Từ khóa:

## 1. Tổng quan tài liệu và Cơ sở lý thuyết

Để làm rõ cơ chế tác động của Hội quán đối với kinh tế tư nhân, nghiên cứu này tổng hợp và kế thừa từ hai dòng chảy học thuật chính: (1) Các nghiên cứu về vốn xã hội và thiết chế kinh tế phi chính thức trong kinh doanh; và (2) Các nghiên cứu lịch sử - văn hóa về tổ chức xã hội của người Hoa tại Việt Nam.

### 1.1. Vốn xã hội và vai trò của mạng lưới kinh doanh tộc người

Trong lý thuyết kinh tế học hiện đại, vai trò của các mạng lưới xã hội (social networks) đối với hiệu quả kinh tế đã được khẳng định mạnh mẽ. Granovetter (1985), trong bài viết kinh điển trên American Journal of Sociology, đã đưa ra khái niệm "sự gắn kết" (embeddedness), lập luận rằng hành vi kinh tế luôn bị chi phối bởi các quan hệ xã hội. Mở rộng quan điểm này, Greif (1993), thông qua nghiên cứu về các thương nhân Maghribi thế kỷ XI đăng trên The American Economic Review, đã chứng minh

rằng các liên minh thương mại dựa trên quan hệ tộc người có khả năng thực thi hợp đồng hiệu quả hơn các cơ chế pháp lý chính thức trong bối cảnh thị trường sơ khai. Greif gọi đây là "cơ chế trừng phạt đa phương" (multilateral punishment mechanism), nơi một thành viên gian lận sẽ bị cả cộng đồng tẩy chay.

Đối với các nền kinh tế đang chuyển đổi hoặc mới nổi, Peng và Heath (1996) nhấn mạnh rằng khi hệ thống luật pháp chưa hoàn thiện, các doanh nghiệp tư nhân thường dựa vào "mạng lưới quan hệ" (guanxi/connections) để giảm thiểu bất định và chi phí giao dịch. Đặc biệt, nghiên cứu của Rauch (2001) về các mạng lưới kinh doanh xuyên quốc gia chỉ ra rằng các cộng đồng hải ngoại (diaspora) đóng vai trò như những kênh thông tin giúp giảm rào cản thương mại quốc tế nhờ sự tin cậy và tương đồng văn hóa.

### 1.2. Nghiên cứu về người Hoa và thiết chế Hội quán tại Việt Nam

Tại Việt Nam, cộng đồng người Hoa và vai trò kinh

tế của họ là chủ đề thu hút nhiều sự quan tâm. Trần Khánh (1992, 2016) là một trong những học giả hàng đầu phân tích sâu về cấu trúc kinh tế của người Hoa, khẳng định rằng sức mạnh kinh tế của cộng đồng này nằm ở khả năng huy động vốn linh hoạt và mạng lưới phân phối rộng khắp. Tuy nhiên, các nghiên cứu của Trần Khánh thường tiếp cận ở góc độ vĩ mô và lịch sử kinh tế hơn là đi sâu vào vi cơ chế hoạt động của từng Hội quán cụ thể.

Ở góc độ văn hóa - xã hội, các công trình của Phan An (2005), Nguyễn Ngọc Thơ (2017) và Châu Thị Hải (2013) đã cung cấp những tư liệu dày dặn về tín ngưỡng, lễ hội và cơ cấu tổ chức của các Hội quán (như Tuệ Thành, Nghĩa An, Nhị Phủ, Ôn Lăng). Đặc biệt, luận văn của Hồ Thanh Tình (2021) đã đi sâu vào đời sống văn hóa của nhóm người Hoa Phúc Kiến (Tuyền Châu), cung cấp các dữ liệu chi tiết về sinh hoạt cộng đồng và các quy tắc ứng xử nội bộ.

### 1.3. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù các nghiên cứu trong nước đã mô tả rất kỹ về "phần xác" (kiến trúc, lễ hội) và "phần hồn" (tín ngưỡng) của Hội quán, và các nghiên cứu quốc tế đã cung cấp khung lý thuyết vững chắc về "vốn xã hội", nhưng vẫn tồn tại một khoảng trống lớn trong việc kết nối hai dòng chảy này.

Cụ thể, chưa có nhiều nghiên cứu phân tích Hội quán như một thiết chế tài chính vi mô hay một nền tảng quản trị rủi ro cho doanh nghiệp tư nhân tại TP.HCM. Câu hỏi về việc làm thế nào các quy tắc "lệ làng" trong Hội quán chuyển hóa thành lợi nhuận kinh tế, hay cơ chế cụ thể của việc huy động vốn cộng đồng (crowdfunding) qua các lễ hội đấu giá vẫn chưa được giải mã dưới lăng kính của kinh tế học thể chế.

Nghiên cứu này sẽ lấp đầy khoảng trống đó bằng cách sử dụng dữ liệu thực địa từ nhóm người Hoa Tuyền Châu (Phúc Kiến) để minh chứng cho các lý thuyết về chi phí giao dịch và vốn xã hội trong bối cảnh đặc thù của kinh tế tư nhân TP.HCM.

## 2. Thực trạng về Cơ chế vận hành kinh tế của thiết chế Hội quán

Dựa trên dữ liệu khảo sát tại cộng đồng người Hoa nhóm Tuyền Châu (Phúc Kiến) tại Quận 5 (cũ), cụ thể là tại Hội quán Ôn Lăng và Hội quán Nhị Phủ, nghiên cứu này xác định ba trụ cột chính trong tác động kinh tế của thiết chế Hội quán: (1) Vai trò lịch sử như một hiệp hội thương mại sơ khai; (2) Cơ chế giảm thiểu chi phí giao dịch thông qua vốn xã hội; và (3) Sự chuyển dịch sang mô hình kinh tế di sản và tài chính cộng đồng trong bối cảnh hiện đại.

### 2.1. Hội quán và sự hình thành mạng lưới "Tín dụng thương mại" phi chính thức

Dữ liệu lịch sử cho thấy Hội quán không chỉ là nơi sinh hoạt tâm linh mà còn vận hành như một "sàn giao dịch" thông tin và nhân lực. Theo Hồ Thanh Tình (2021), đối với người Hoa Phúc Kiến di cư, Hội quán là điểm tựa đầu tiên cung cấp nơi ở và kết nối việc làm. Dưới góc độ kinh tế học, đây là cơ chế giảm thiểu "chi phí tìm kiếm" (search costs) cho cả người lao động và chủ doanh nghiệp.

Đặc biệt, hình thức "buôn bán gối đầu" (lấy hàng trước, trả tiền sau) là một đặc trưng nổi bật trong phương thức kinh doanh của cộng đồng này. Đây thực chất là một hình thức tín dụng thương mại (trade credit) dựa trên tín chấp. Trong bối cảnh thị trường tài chính chưa phát triển, việc tiếp cận vốn ngân hàng là rào cản lớn đối với doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa (SMEs). Nghiên cứu của McMillan và Woodruff (1999) trên *The Quarterly Journal of Economics* đã chỉ ra rằng tại các nền kinh tế đang chuyển đổi (như Việt Nam), tín dụng thương mại giữa các doanh nghiệp là nguồn vốn lưu động quan trọng hơn cả vốn ngân hàng. Tại Chợ Lớn, Hội quán đóng vai trò như một "trung tâm thông tin tín dụng" (credit bureau) phi chính thức, nơi uy tín của một thương nhân được thẩm định bởi cộng đồng (Hồ, 2021).

### 2.2. "Chữ Tín" và bài toán Chi phí giao dịch

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy nguyên tắc cốt lõi trong kinh doanh của người Hoa Tuyền Châu là "trọng Tín". Các doanh nhân thành đạt được phỏng vấn đều khẳng định: "Một lần bất tín, vạn lần bất tin" (Hồ, 2021).

Áp dụng lý thuyết Chi phí giao dịch của Williamson (1981), có thể thấy "chữ Tín" này mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt:

**Giảm chi phí giám sát (Monitoring costs):** Doanh nghiệp không cần tốn nhiều chi phí để soạn thảo hợp đồng pháp lý phức tạp hay thuê luật sư, vì lời nói (oral contract) trong cộng đồng Hội quán có giá trị ràng buộc tương đương văn bản.

**Giảm chi phí cưỡng chế (Enforcement costs):** Chế tài của Hội quán (tẩy chay, khai trừ khỏi cộng đồng) là một đòn bẩy kinh tế mạnh mẽ. Một thương nhân bị Hội quán "điểm mặt" sẽ mất toàn bộ mạng lưới cung ứng và tiêu thụ.

Điều này phù hợp với nhận định của Fukuyama (1995) rằng các xã hội có "niềm tin cao" (high-trust societies) sẽ có khả năng hình thành các tổ chức kinh tế quy mô lớn mà không bị kìm hãm bởi bộ máy quan liêu kiểm soát nội bộ.

### 2.3. Từ kinh tế thương mại sang Kinh tế Di sản và Tài chính xã hội

Trong giai đoạn hiện nay, vai trò của Hội quán đã có sự chuyển dịch đáng kể. Dữ liệu từ các lễ hội Vía Bà Thiên Hậu hay Vía Ông Bổn cho thấy sự xuất hiện của hai dòng chảy kinh tế mới:

Thứ nhất, Kinh tế Di sản (Heritage Economics): Hội quán Ôn Lăng và Nhị Phủ, với tư cách là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia, đã trở thành tài sản kinh tế thu hút du lịch. Nguồn thu không chỉ đến từ tiền công đức mà còn tạo ra tác động lan tỏa (spillover effects) cho các dịch vụ ăn uống, lưu trú và buôn bán đồ thờ cúng quanh khu vực Quận 5 (Hồ, 2021). Đây là minh chứng cho mô hình "bảo tồn thích ứng", biến di sản văn hóa thành nguồn lực phát triển kinh tế bền vững.

Thứ hai, Tài chính xã hội qua hoạt động "Đấu đèn": Nghi thức "Đấu giá lồng đèn" (đấu đèn) được mô tả trong luận văn là một hoạt động văn hóa đặc sắc, nhưng dưới góc nhìn tài chính, đây là một hình thức huy động vốn cộng đồng (crowdfunding) và tái phân phối thu nhập hiệu quả.

Cơ chế: Các doanh nhân đấu giá lồng đèn với mức giá cao gấp nhiều lần giá trị thực để lấy "lộc". Tác động: Số tiền thu được (lên đến hàng tỷ đồng) được Hội quán sử dụng cho các hoạt động phúc lợi (xây trường, bệnh viện, hỗ trợ người nghèo). Theo Porter và Kramer (2006), đây là hình thức sơ khai của "Tạo lập giá trị chung" (Creating Shared Value - CSV), nơi doanh nghiệp đóng góp cho xã hội để củng cố vị thế và uy tín của chính mình trong cộng đồng.

## 3. Kết quả nghiên cứu

Dựa trên việc phân tích dữ liệu điền dã tại các Hội quán người Hoa nhóm Tuyền Châu (Quận 5) và đối chiếu với các lý thuyết kinh tế học, nghiên cứu này xác định ba kết quả chính về tác động của thiết chế này đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân: (1) Tối ưu hóa chi phí giao dịch thông qua cơ chế sàng lọc thông tin; (2) Hình thành thị trường vốn nội bộ phi chính thức; và (3) Tạo lập mạng lưới an sinh xã hội giúp doanh nghiệp gia đình ứng phó khủng hoảng.

### 3.1. Cơ chế sàng lọc và giảm thiểu chi phí giao dịch

Kết quả nghiên cứu cho thấy Hội quán vận hành như một "trung tâm dữ liệu tín dụng" (informal credit bureau) giúp giải quyết bài toán bất đối xứng thông tin (information asymmetry) - một rào cản lớn trong các nền kinh tế mới nổi.

Việc tham gia tích cực vào các hoạt động của Hội quán (như cúng tế, đóng góp từ thiện) đóng vai trò là

một tín hiệu (signaling) về khả năng tài chính và tư cách đạo đức của doanh nhân. Theo Spence (1973), đây là các tín hiệu đắt đỏ (costly signals) mà những kẻ lừa đảo khó có thể bắt chước. Dữ liệu từ Hồ Thanh Tình (2021) xác nhận rằng các thương nhân có vị trí trong Ban quản trị Hội quán thường dễ dàng tiếp cận các hợp đồng "gói đầu" (tín dụng thương mại) hơn so với người ngoài, do đối tác tin rằng rủi ro vỡ nợ là rất thấp.

Thay vì dựa vào tòa án kinh tế (vốn tốn kém và mất thời gian), cộng đồng người Hoa sử dụng "vốn xã hội" để củng cố hợp đồng. Một tranh chấp thương mại thường được hòa giải bởi các bô lão trong Hội quán. Kết quả là chi phí thực thi hợp đồng (enforcement costs) giảm xuống gần như bằng không, gia tăng biên lợi nhuận ròng cho các bên tham gia. Điều này phù hợp với mô hình của Kali (1999), người đã chứng minh rằng các mạng lưới kinh doanh dựa trên quan hệ cá nhân hoạt động hiệu quả hơn thị trường vô danh trong môi trường pháp lý yếu.

### 3.2. Thị trường vốn nội bộ và Tài chính phi chính thức

Nghiên cứu phát hiện ra rằng các nghi thức tôn giáo tại Hội quán, đặc biệt là tục "Đấu đèn" (đấu giá lồng đèn), thực chất là một hình thức huy động vốn cộng đồng (crowdfunding) và tái phân phối thu nhập tinh vi.

Số tiền thu được từ các buổi đấu giá tại lễ hội (có thể lên tới hàng tỷ đồng cho một chiếc lồng đèn) không chỉ phục vụ thờ cúng mà trở thành quỹ dự trữ cho các hoạt động giáo dục (trường Mạch Kiếm Hùng trước đây) và y tế. Điều này giúp giảm gánh nặng phúc lợi cho các doanh nghiệp thành viên, cho phép họ tập trung nguồn vốn cá nhân vào hoạt động kinh doanh cốt lõi (Hồ, 2021).

Mặc dù không hoạt động như ngân hàng chính thống, nhưng mạng lưới quan hệ tại Hội quán tạo điều kiện cho các khoản vay cá nhân linh hoạt (hụi/hộ) với lãi suất thỏa thuận. Tsai (2002), trong nghiên cứu kinh điển về tài chính tư nhân tại Trung Quốc và Đông Á, đã chỉ ra rằng hình thức tài chính phi chính thức này là động lực chính cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân khi hệ thống ngân hàng nhà nước còn cứng nhắc. Tại Chợ Lớn, sự bảo lãnh ngầm từ uy tín trong Hội quán giúp dòng vốn này luân chuyển nhanh và hiệu quả.

### 3.3. Mạng lưới an sinh và Khả năng phục hồi

Kết quả phân tích cho thấy thiết chế Hội quán cung cấp một "tấm đệm giảm sốc" (shock absorber) cho các doanh nghiệp tư nhân trước các biến động kinh tế.

Trong các giai đoạn khủng hoảng, mạng lưới Hội

quán kích hoạt cơ chế hỗ trợ tương trợ. Doanh nghiệp gặp khó khăn có thể nhận được sự hỗ trợ về thanh khoản hoặc gia hạn nợ từ các đối tác trong cùng mạng lưới (HỒ, 2021).

Sự trao đổi thông tin thị trường giữa các thế hệ trong Hội quán giúp các doanh nghiệp gia đình (family business) thích ứng nhanh với thay đổi công nghệ và thị hiếu, duy trì sự trường tồn của các thương hiệu lâu đời.

#### 4. Kết luận và Hàm ý chính sách

Nghiên cứu này đã thiết lập lại cách nhìn nhận về hệ thống Hội quán của người Hoa (nhóm Tuyền Châu) tại TP.HCM, chuyển dịch từ quan điểm bảo tồn di sản thuần túy sang tiếp cận dưới góc độ kinh tế học thể chế. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng, trong suốt chiều dài lịch sử và ngay cả trong bối cảnh hiện đại, Hội quán không chỉ đóng vai trò là không gian thực hành tín ngưỡng mà còn vận hành như một thiết chế kinh tế phi chính thức (informal economic institution) có hiệu năng cao. Sự tồn tại bền vững của khu vực kinh tế tư nhân tại Chợ Lớn không chỉ dựa trên sự tích lũy tư bản vật chất mà còn phụ thuộc cốt yếu vào nguồn vốn xã hội (social capital) được kiến tạo và duy trì qua các sinh hoạt tại Hội quán.

Về mặt lý luận, nghiên cứu đóng góp một minh chứng thực nghiệm cho lý thuyết của North (1991) về vai trò của các ràng buộc phi chính thức. Trong khi các nghiên cứu trước đây thường tập trung vào khung khổ pháp lý nhà nước, bài viết này chỉ ra rằng các quy tắc bất thành văn ("Lệ làng", "chữ Tín") và cơ chế trừng phạt bằng tẩy chay xã hội tại Hội quán đã giải quyết hiệu quả bài toán chi phí giao dịch và bất đối xứng thông tin. Đặc biệt, khái niệm "Kinh tế tộc người" (Ethnic Economy) mà Light và Gold (2000) đề xuất đã được làm sáng tỏ qua trường hợp người Hoa Tuyền Châu: sự đan cài chặt chẽ giữa quan hệ đồng hương và quan hệ đối tác đã tạo ra một thị trường nội bộ (internal market) giúp các doanh nghiệp gia đình vượt qua các cú sốc thị trường và rào cản tiếp cận tài chính chính thức.

Về mặt thực tiễn, sự chuyển dịch từ chức năng hỗ trợ thương mại truyền thống sang mô hình "Kinh tế Di sản" và "Tài chính Xã hội" (thông qua tục đầu đèn) cho thấy khả năng thích ứng linh hoạt (adaptive efficiency) của thiết chế này. Hội quán hiện nay không chỉ là nơi tạo ra thu nhập từ du lịch mà còn đóng vai trò như một tổ chức phân phối lại của cải, điều tiết nguồn lực từ khu vực tư nhân sang khu vực phúc lợi công cộng (giáo dục, y tế) một cách tự nguyện và hiệu quả. Điều này gợi mở rằng các nguồn lực phát triển kinh tế địa phương không nhất thiết phải luôn đến từ

đầu tư công hay FDI, mà có thể được khơi thông từ chính nội lực văn hóa của cộng đồng.

Từ các kết luận trên, nghiên cứu đề xuất các hàm ý chính sách đối với chính quyền TP.HCM trong chiến lược phát triển kinh tế quận 5 (cũ) và khu vực lân cận. Thứ nhất, cần chính thức công nhận vai trò "đối tác phát triển" của các Ban quản trị Hội quán, thay vì chỉ quản lý họ như các chủ thể tôn giáo. Việc tích hợp nguồn lực của Hội quán vào các chương trình kích cầu du lịch và an sinh xã hội cần cơ chế đối thoại cởi mở hơn. Thứ hai, mô hình quản trị dựa trên uy tín và sự minh bạch của cộng đồng người Hoa là bài học kinh nghiệm quý giá cho việc xây dựng văn hóa kinh doanh và đạo đức doanh nhân trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay. Cuối cùng, bảo tồn Hội quán không nên chỉ dừng lại ở việc trùng tu kiến trúc vật thể, mà quan trọng hơn là bảo vệ "không gian văn hóa" - nơi sản sinh ra niềm tin và sự liên kết, vốn là "hạ tầng mềm" cốt lõi cho sự thịnh vượng kinh tế của khu vực.

*Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.*

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

##### Tài liệu tiếng Việt:

Phan An. (2005). *Người Hoa ở Nam Bộ*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Châu Thị Hải. (2013). *Tổ chức xã hội của người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Trần Khánh. (1992). *The ethnic Chinese and economic development in Vietnam*. Institute of Southeast Asian Studies.

Trần Khánh. (2016). *Cộng đồng người Hoa trong bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, 3(175), 25-38.

Hồ Thanh Tình. (2021). *Đời sống văn hóa phi vật thể của người Hoa Phúc Kiến (nhóm Tuyền Châu) ở Quận 5, TP. Hồ Chí Minh* [Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh].

Nguyễn Ngọc Thơ. (2017). *Tín ngưỡng Thiên Hậu vùng Tây Nam Bộ*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật.

##### Tài liệu tiếng Anh:

Fukuyama, F. (1995). *Trust: The social virtues and the creation of prosperity*. Free Press.

Greif, A. (1993). *Contract enforceability and economic institutions in early trade: The Maghribi traders' coalition*. *The American Economic Review*, 83(3), 525-548.

North, D. C. (1990). *Institutions, institutional change and economic performance*. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511808678>

Putnam, R. D. (1993). *Making democracy work: Civic traditions in modern Italy*. Princeton University Press.

Granovetter, M. (1985). *Economic action and social structure: The problem of embeddedness*. *American Journal of Sociology*, 91(3), 481-510. <https://doi.org/10.1086/228311>